TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 286/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 25/5/2022
V/v: Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Trịnh Minh Đức

2. Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tào Minh Q- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2021/TLPT-HNGĐ ngày 30/7/2021 về việc "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1594/2021/HNGĐ-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1858/2022/QĐ-PT ngày 04/05/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: Căn hộ số B14-15 chung cư A, số 295 Q, phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Trương Nguyệt M, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ: Căn F5 C, số 27 đường B, Quốc lộ H, phường K, thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trương Nguyệt M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì:

Nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Ông T và bà Trương Nguyệt M đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 512/2016/QĐST-HNGĐ ngày 30/5/2016 của Tòa án nhân dân quận L, Thành phố Hồ Chí Minh; theo đó, ông và bà M thống nhất giao cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên là Nguyễn Q (nam), sinh ngày 20/10/2010 và Nguyễn Bảo L (nữ), sinh ngày 10/02/2015, mức cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Nay ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Q vì những lý do sau:

Một là, bà M không đủ điều kiện và không tạo điều kiện để cho trẻ Q được đến trường học phổ thông như những trẻ em khác, vì tương lai của con, vì quyền lợi và mục đích được tới trường của con. Hiện trẻ Q 11 tuổi, nếu bình thường thì trẻ đang học lớp 5, tuy nhiên trẻ Q nghỉ học nguyên 01 năm học vừa rồi; từ khi vào lớp 01 đến giờ trẻ Q đã phải thay đổi nơi học 04 lần, cụ thể:

-Lớp 01 đến lớp 02 (năm 2016-2018) học tại nhóm trẻ X tại J theo chương trình St nhưng không có học bạ vì học chương trình đào tạo không được cấp phép.

-Giữa năm 2018 ông chuyển trẻ Q qua học trường tiểu học Đ tại J để theo học chương trình đào tạo quốc gia, việc này có sự đồng ý của bà M. Năm học 2018-2019 ông chuyển trẻ Q qua học trường tiểu học S tại quận L để tạo điều kiện cho việc đưa đón tốt hơn.

-Năm 2019-2020 lớp 3 bà M đưa trẻ Q về học tại trường Etại quận Thủ Đức (theo chương trình đào tạo quốc gia) do bà M chuyển về Thủ Đức ở. Tuy nhiên trẻ Q học trường này đến hết học kỳ I, nhà trường cho thôi học 01 tuần vì chưa hoàn tất học phí học kỳ I, sau đó bà M đóng nên được tiếp tục học kỳ II, nhưng hết học kỳ II bà M vẫn không đóng tiền học phí nên sau khi hết năm học lớp 3 thì trẻ Q không được lên lớp 4.

-Do không được học lớp 4 tại trường E tại quận Y nên bà M cho trẻ Q quay lại học nhóm trẻ X tại J theo chương trình St và học liền chương trình lớp 5 nhưng không được ông đồng ý nên ông đóng tiền học phí rồi rút hồ sơ cho trẻ Q quay lại trường S tại L, nơi trẻ từng học lớp 2. Việc này không được sự đồng ý của bà M nên bà M không cho trẻ Q đi học và trẻ ở nhà từ đó đến nay.

Trước đây, vì nghĩ rằng các con ở với mẹ thì tốt hơn cho các con vì các con còn nhỏ và mẹ chăm sóc tốt. Tuy nhiên, hiện nay con trai lớn Nguyễn Q đã 11 tuổi nhưng không được tiếp tục đi học, hiện đang ở nhà. Ông bà bất đồng quan điểm trong việc cho con đi học, ông đề xuất cho con được quay trở lại hệ thống trường quốc gia cho con học nhưng bà nhất quyết không đồng ý và cương quyết để con theo con đường mà bà đã chọn.

Hai là, về điều kiện kinh tế: Hiện tại thu nhập ông ổn định và tốt hơn của bà M, cụ thể thu nhập khoảng 16.000.000 đồng/tháng và không phải chu cấp cho ai, đồng thời ông sở hữu 01 căn hộ tại chung cư A, số 295 Q, phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (có giấy chứng nhận). Về thời gian làm việc, hiện nay ông đang làm cho Công ty Cổ phần thương mại kỹ thuật M; địa chỉ 65 V, khu phố S, phường Z, Quận R, Thành phố Hồ Chí Minh (có hợp đồng lao động), thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, nghỉ thứ 7, chủ nhật, giờ giấc lao động tự do, đủ thời gian để đưa đón con đi học.

Ba là, về nghĩa vụ chu cấp, thăm nuôi con: hiện tại hàng tuần ông vẫn đón các con về ở với ông vào cuối tuần, chủ động cấp dưỡng và phụ bà M chăm sóc, lo lắng đầy đủ cho các con. Việc thăm nuôi, chăm sóc con có một thời gian bà M gây khó khăn nhưng nay đã bình thường.

Bốn là, năm 2020 bà M đã kết hôn với người khác dẫn đến thời gian chăm sóc, điều kiện kinh tế sẽ khó khăn nên ảnh hưởng tới con chung. Do sự khác biệt về văn hóa nên ông sợ ảnh hưởng đến hai con chung.

Ông xác định có điều kiện về thời gian, về kinh tế và chỗ ở cũng như các điều kiện khác đáp ứng tốt cho việc nuôi con chung. Do đó, ông yêu cầu Tòa án cho ông được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Q, để có thể cho con đi học theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho con ông và chính sách giáo dục của nhà nước.

Bị đơn bà Trương Nguyệt M trình bày:

Bà thống nhất trình bày của ông T về việc ly hôn, về con chung, về việc cấp dưỡng nuôi con, các con hiện nay vẫn đang sống cùng với bà. Việc ông T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con bà không đồng ý với những lý do sau:

Một là, việc trẻ Q có quá trình thay đổi trường lớp như ông T trình bày là đúng, việc thay đổi nơi học từ trường X sang trường Đ là do ông T tự ý không được sự đồng ý của bà nhưng bà cũng nhượng bộ cho con học được 01 năm, hết năm lớp 01 thấy trường ổn nên tiếp tục cho cháu học thì ông T lại tự ý cho cháu sang học trường S học chương trình lớp 2, nhưng vì do đưa đón không thuận tiện nên hết năm lớp 2 bà chuyển trẻ Q về học trường song ngữ Quốc tế E tại khu đô thị T quận Y (học song song 02 chương trình quốc tế và quốc gia). Tuy nhiên, do dịch bệnh và bản thân bà cũng không muốn tiếp tục cho trẻ Q học tiếp tại trường nên bà không thể đóng học phí kỳ II cho con, sau đó ông T tự ý lên đóng học phí và rút hồ sơ chuyển con về lại trường S học. Do không được sự đồng ý của bà nên bà đã lên trường S rút hồ sơ cho trẻ Q về tự học ở nhà do bản thân bà giảng dạy theo chương trình quốc tế với thời khóa biểu học như bình thường.

Bản thân bà đánh giá việc học tại nhà theo chương trình nước ngoài là không ảnh hưởng xấu đến tương lai của con, là xu hướng của hiện tại, việc học theo chương trình phổ thông quốc gia đối với con bà là không cần thiết và bản thân trẻ cũng không thích. Trường I(Mỹ) nơi trẻ Q học online tại nhà vẫn cấp bằng bình thường, tuy nhiên chương trình học này chưa được công nhận tại Việt Nam, trẻ Q là trẻ được học đầu tiên tại Việt Nam.

Hai là, về điều kiện kinh tế: Về thu nhập bà đang mở các lớp tiếng Anh tự phát, bản thân có mở Công ty TNHH F hoạt động kinh doanh về giáo dục và đã được phép mở một số lớp mầm non. Bản thân là người quản lý nên thu nhập khoảng 100.000.000 đồng/tháng. Về điều kiện chỗ ở, bà đang thuê biệt thự X tại phường K, thành phố Y, thời gian làm việc từ thứ 2 đến thứ 6, nghỉ thứ 7, chủ nhật, giờ giấc lao động từ 08 giờ sáng đến 17 giờ, đủ thời gian để đưa đón con đi học, bà dạy tại nhà nên đủ điều kiện chăm sóc các con.

Ba là, bà bình thường vẫn tạo điều kiện cho ông T thăm nom nhưng có 01 thời gian ngắn hạn chế do ông Tuấn nộp đơn tranh chấp nuôi con. Tuy nhiên việc chu cấp cho con trước năm 2020 ông T không thực hiện đều đặn.

Ngoài ra năm 2020 bà đã kết hôn với ông B, bà đã cung cấp giấy chứng nhận kết hôn cho Tòa, việc này không ảnh hưởng đến việc chăm sóc con chung, bản thân bà và chồng cũng dự định sinh con trong thời gian tới; bà xác định nếu có thêm con thì cũng không ảnh hưởng gì vì ông B rất thương 02 con riêng của bà.

Hiện tại bà đã học xong lớp nuôi dạy trẻ mầm non, nhóm trẻ bà đang dạy hiện mới có 01 lớp dạy từ thứ 2 đến thứ 6; ngoài ra bà đang theo học lớp đào tạo dạy chương trình tiểu học St. Đồng thời, bà đang dạy 05 lớp tiếng anh cho trẻ từ 03 tuổi đến 10 tuổi, 03 lớp online từ 06 đến 10 tuổi, nên bà có đủ kỹ năng và kinh nghiệm cho việc dạy kèm tại nhà cho trẻ Nguyễn Q.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 1594/2021/HNGĐ-ST ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T về việc "Tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn" với bà Trương Nguyệt M.

-Giao con chung tên Nguyễn Q, sinh ngày 20/10/2010 cho ông Nguyễn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn T về việc không yêu cầu bà Trương Nguyệt M cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ nuôi con, thi hành án của các đương sự.

Ngày 24/6/2021, bà Trương Nguyệt M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bà được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Trương Nguyệt M là bị đơn đồng thời là người kháng cáo trình bày:

Trẻ Q thay đổi trường lớp như ông T trình bày là đúng, việc thay đổi này xuất phát do bà và ông T không thống nhất được về việc lựa chọn môi trường giáo dục của con, ông T tự đóng học phí và rút hồ sơ chuyển con về học trường S mà không được sự đồng ý của bà nên bà có đến trường S rút lại hồ sơ cho con tự học ở nhà do bản thân bà giảng dạy theo chương trình quốc tế; Trẻ Q sau thời gian thay đổi trường lớp hiện đang học lớp 5 tại nhà (homeschool) theo giáo dục St của trường I(Mỹ) do bà trực tiếp giảng dạy.

Năm 2020, vợ chồng bà có tìm hiểu và biết trường này có chương trình dạy trẻ tại nhà, liên cấp từ mầm non đến hết lớp 12 tên ES. Bà đã thuê căn nhà Căn F5 C, số 27 đường B, Quốc lộ H, phường K, thành phố Ylàm nơi ở đồng thời làm trường dạy học tại nhà, hiện có 02 phòng học được trang bị đồ dùng học tập: bàn ghế, tập vở, giấy bút, màu vẽ …, trẻ Q lớn nhất (đang học lớp 5) nên được trang bị thêm 01 máy vi tính. Trường đang tuyển sinh, năm 2021 có 3 học sinh, hiện đã tăng lên thành 10 học sinh (bao gồm cả 2 con của bà M là Q, Lam), có 03 giáo viên giảng dạy gồm vợ chồng bà M

và 01 giáo viên nước ngoài (dạy online); bản thân bà đang theo học lớp đào tạo dạy chương trình tiểu học St, nếu học xong thì bà sẽ được dạy đến lớp 8. Đây là chương trình học mới và chưa được công nhận tại Việt Nam, trẻ Q là trẻ được học đầu tiên tại Việt Nam, vợ chồng bà sẽ mang chương trình đi thẩm định để xin cấp phép dạy chính thức đại trà theo quy định pháp luật hiện hành. Theo bà, trẻ Q học tại trường của mẹ mở và trực tiếp giảng dạy sẽ có nhiều thuận lợi như học tiếng Anh miễn phí, được đi du lịch nước ngoài …, bà đánh giá việc học tại nhà theo chương trình nước ngoài là xu hướng hiện tại, hiện có nhiều trường quốc tế cũng đang hoạt động ở Việt Nam, Bộ Giáo dục Việt Nam có thay đổi khi chấp nhận các văn bằng, chứng chỉ nước ngoài, việc học theo chương trình phổ thông quốc gia đối với trẻ Q là không cần thiết và bản thân trẻ cũng không thích.

Về điều kiện kinh tế, chỗ ở: Bà đã thuê căn nhà nói trên để mở trường dạy học tại nhà, trực tiếp dạy, quản lý, điều hành trường đồng thời mở các lớp tiếng Anh tự phát với thu nhập khoảng 100.000.000đ/tháng, do làm công việc dạy tại nhà nên bà có thời gian, điều kiện chăm lo cho các con. Do đó, bà giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị tòa án cho bà được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ Q.

Ông Nguyễn T là nguyên đơn trình bày:

Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Q thay cho bà M và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con, vì hiện trẻ Q - sinh năm 2010, theo độ tuổi học sinh bình thường đang học lớp 6 thì hiện nay trẻ Q con ông vẫn đang ở nhà, không được đến trường học như bạn bè đồng trang lứa và học bạ chỉ hết lớp 3, chưa biết làm phép tính đơn giản, đây thực sự là sự thiệt thòi rất lớn cho sự phát triển bình thường của trẻ, xuất phát từ việc bà M muốn cho con theo học chương trình St nên nhiều lần thay đổi trường lớp của con và có thời gian còn cản trở, ngăn cấm không cho ông thăm con. Hiện chương trình giáo dục St của trường Inoi bà M dạy chưa được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, trong số giáo viên trường hiện nay (bà M khai có 03 người) thì bản thân bà M chưa có chứng chỉ sư phạm để đứng lớp giảng dạy, 02 người còn lại không rõ. Bà M là người điều hành quản lý cơ sở của trường Itại Việt Nam, vừa cùng chồng trực tiếp dạy cùng lúc 10 học sinh ở các lứa tuổi khác nhau và chỉ một mình trẻ Q đang học lớp 5 do mẹ dạy (01 giáo viên nước ngoài dạy online), nhiều lần ông hỏi về con về tình hình học tập ở nhà thì trẻ Q cho biết mẹ bận quá chưa dạy được; hơn nữa, bà M còn trách nhiệm với gia đình mới, nếu nuôi cả 2 con chung thì không thể đảm bảo tốt được. Ông có đủ điều kiện về thời gian, hiểu biết, có chỗ ở riêng, có công việc ổn định, thu nhập đủ để nuôi con và ông đang độc thân nên toàn tâm toàn ý lo cho con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Về việc kháng cáo của bị đơn: Bà Trương Nguyệt M nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức; Về nội dung kháng cáo: tại phiên tòa bà M thừa nhận nhiều lần thay đổi trường học của trẻ Q đúng như ông T

trình bày, hiện trẻ Q đang học lớp 5 tại nhà theo chương trình dạy học ở nhà (homeschool) của trường I(Mỹ) do vợ chồng bà M trực tiếp dạy; bà M cũng thừa nhận chương trình giáo dục này chưa được Bộ Giáo dục đào tạo Việt Nam công nhận và có thời gian bà M từng cản trở ông T thăm con. Xét thấy việc giáo dục theo chương trình mới của nước ngoài có thể tốt tuy nhiên hiện nay trường bà M dạy chưa được cấp phép hoạt động tại Việt Nam; về hoàn cảnh thực tế bản thân bà M vừa trực tiếp quản lý trường, vừa dạy 10 trẻ, nuôi 2 con chung, mới kết hôn và dự định sinh con trong thời gian tới…nên việc nuôi 2 con chung sẽ khó đảm bảo tốt; trong lúc ông T độc thân, có việc làm ổn định, có nhà ở riêng, thường xuyên chăm sóc nuôi dưỡng con, có khả năng và nguyện vọng cho trẻ Q theo học tại hệ thống trường công lập Việt Nam để trẻ Q được học tập, phát triển, vui chơi cùng với các bạn đồng trang lứa là nguyện vọng chính đáng, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của trẻ Q. Do đó, bản án sơ thẩm giao con chung Nguyễn Q cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Trương Nguyệt M làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đương sự kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trẻ Nguyễn Q (nam) sinh ngày 20/10/2010 từ khi sinh ra được cha mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; khi ông T bà M ly hôn vào năm 2016 hai ông bà thỏa thuận giao cả 2 con chung là trẻ Q và trẻ Nguyễn Bảo L (nữ) sinh ngày 10/02/2015 cho mẹ là bà M trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Theo ông T, bà M trình bày thì sau khi ly hôn, giữa bà M ông T không thống nhất được với nhau về môi trường học tập của trẻ Q. Bà M thừa nhận từ năm 2016-2020 trẻ Q đã nhiều lần phải thay đổi nơi học tập đúng như ông T trình bày, hiện trẻ Q 12 tuổi (sinh 2010) có học bạ học hết lớp 3 theo chương trình giáo dục công lập quốc gia và đang học lớp 5 tại nhà theo chương trình dạy học ở nhà (homeschool) của trường I(Mỹ) do vợ chồng bà M trực tiếp dạy; bà M và gia đình từng cản trở, hạn chế ông T thăm con một thời gian cho đến khi chính thức xin học cho trẻ Q theo chương trình giáo dục St của trường I (Bản trình bày ý kiến của bà M-bút lục 143) .

Căn cứ quy định tại các Điều 71, 72, 81 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 thì cha mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc giáo dục, chăm lo, tạo điều kiện cho con học tập; Việc cha mẹ quyết định cho con mình theo học chương trình giáo dục công lập quốc gia hay học chương trình giáo dục khác trên thực tế tùy theo điều kiện, hoàn cảnh từng gia đình, đây là quyền nhưng cũng là nghĩa vụ của cha mẹ, kể cả

sau khi cha mẹ ly hôn. Trong vụ án này, cả cha và mẹ đều thể hiện sự yêu thương, quan tâm đến việc học tập, giáo dục con mình nhưng không thống nhất được với nhau về nơi học tập dẫn đến việc trẻ Q học bị chậm hơn so với lứa tuổi học sinh bình thường (tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi - văn bản 509/SGDĐT-GDTrH ngày 25/02/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cứ quy định tại Điều 1, Điều 44 Luật Trẻ em 2016 quy định về bảo đảm giáo dục cho trẻ em thì trẻ em là người dưới 16 tuổi, về *"...chương trình, nội dung giáo dục phải phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm đối tượng trẻ em, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện..."* . Căn cứ yêu cầu đối với nội dung giáo dục phổ thông quy định tại phần II mục I chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/05/2006 của Bộ Giáo dục và đào tạo thì "*... Bảo đảm tính thống nhất của chương trình giáo dục phổ thông trong phạm vi cả nước ...*". Tại phiên tòa, bà M cũng thừa nhận chương trình giáo dục trẻ Q đang theo học là chương trình giáo dục mới, chưa được Bộ Giáo dục đào tạo Việt Nam công nhận, chưa được cấp phép hoạt động tại Việt Nam, Q là trẻ được học đầu tiên ở Việt Nam; Theo văn bản số 1079/SGDĐT-GDTrH ngày 12/04/2022 của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố M cung cấp cho Tòa án, thì Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố M không cấp phép, không quản lý chương trình trẻ Q đang theo học nên không có cơ sở để xác định việc cấp văn bằng, chứng chỉ theo Luật Giáo dục Việt Nam, vì vậy chưa rõ chương trình giáo dục này có đảm bảo quy định không.

Về hoàn cảnh thực tế, bà M là đại diện theo pháp luật của công ty TNHH F có trụ sở chính tại 111/13 đường Trần Hữu Trang, phường 10, quận L (bút lục 118), vừa trực tiếp dạy 10 trẻ tại nhà thuê ở thành phố Thủ Đức và dạy ngoài giờ 08 lớp tiếng Anh ngoài giờ (danh sách lớp học bà M cung cấp, bút lục 137-138) đồng thời bản thân bà M cũng đang theo học lớp đào tạo dạy chương trình tiểu học St, nuôi 2 con chung và còn có nghĩa vụ với gia đình mới (bà M kết hôn năm 2020). Theo hợp đồng thuê nhà số 01/2021/HĐTN ngày 15/07/2021 và phụ lục hợp đồng thuê nhà ngày 15/11/2021 ký giữa bà M với bà Nguyễn Thị Kim Nga (do bà M cung cấp tại phiên tòa phúc thẩm) thì bà M đang thuê căn nhà Căn F5 C, số 27 đường B, Quốc lộ H, phường K, thành phố Yđể ở và làm nơi dạy học, tuy nhiên, thời hạn thuê nhà 01 năm sẽ kết thúc vào ngày 15/07/2022 và từ ngày 15/11/2021 đến 15/07/2022 thì bà M phải chuyển qua nhà khác để sửa chữa nhà F5, vì vậy chỗ ở không ổn định, việc việc nuôi 2 con chung khó đảm bảo tốt. Về phía ông T độc thân, có việc làm, thu nhập ổn định, có nhà ở riêng, thường xuyên thăm con, cuối tuần đón con về nhà mình chăm sóc, có khả năng và nguyện vọng cho trẻ Q theo học tại hệ thống trường công lập Việt Nam để trẻ Q được học tập, phát triển, vui chơi, hòa đồng cùng với các bạn đồng trang lứa là nguyện vọng chính đáng, phù hợp quy định pháp luật và nguyện vọng của trẻ Q. Mặt khác, trẻ Q là nam, chuẩn bị bước vào tuổi dậy thì sống cùng cha sẽ thuận lợi hơn. Về cấp dưỡng nuôi con ông T bà M không yêu cầu cấp dưỡng, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà M, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn ông T tự nguyện chịu nên ghi nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 147, 148, 306 và khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào các Điều 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Luật Trẻ em năm 2016;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Trương Nguyệt M về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Nguyệt M, giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 1594/2021/HNGĐ-ST ngày 16/06/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn T.

Giao con chung là trẻ Nguyễn Q (nam), sinh ngày 20/10/2010 cho cha là ông Nguyễn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc thay đổi người nuôi con là 300.000đ ông T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058025 ngày 21/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y (nay là thành phố Y), Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000đ bà M phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0059291 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND Thành phố Thủ Đức;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương